

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH
BỘ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP



BÁO CÁO HỌC THUẬT CẤP BỘ MÔN

*Tổng hợp các chính sách mới về thuế và kế toán có hiệu lực
từ ngày 01/01/2026 tại Việt Nam*

Người thực hiện: ThS. Phạm Thu Uyên

Hà Nội, tháng 05 năm 2026

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và cải cách thể chế tài chính công, hệ thống chính sách thuế và kế toán ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc điều tiết nền kinh tế, bảo đảm nguồn thu ngân sách nhà nước và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Thuế và kế toán không chỉ là công cụ quản lý tài chính của Nhà nước mà còn là cơ sở pháp lý trực tiếp tác động đến hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người lao động trong toàn bộ nền kinh tế.

Từ ngày 01/01/2026, nhiều chính sách mới về thuế và kế toán tại Việt Nam chính thức có hiệu lực, đánh dấu một giai đoạn cải cách sâu rộng trong lĩnh vực tài chính – ngân sách. Các văn bản pháp luật mới được ban hành tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung các luật thuế quan trọng như thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, cùng với việc hoàn thiện cơ chế quản lý thuế điện tử, hóa đơn điện tử và chuẩn hóa hệ thống kế toán doanh nghiệp theo hướng hiện đại, tiệm cận chuẩn mực quốc tế.

Những thay đổi này không chỉ tạo ra cơ hội nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, tăng cường tính minh bạch và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp mà còn đặt ra nhiều yêu cầu mới về tuân thủ pháp luật đối với các tổ chức, cá nhân nộp thuế. Đặc biệt, việc thay đổi phương pháp quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, điều chỉnh chính sách khấu trừ và kê khai thuế, cũng như đổi mới chế độ kế toán doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động hạch toán, quản trị chi phí và nghĩa vụ tài chính của các chủ thể kinh tế.

Trong thực tế, nhiều doanh nghiệp và hộ kinh doanh vẫn còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận, cập nhật và áp dụng kịp thời các quy định mới của pháp luật thuế và kế toán. Nếu không nắm bắt đầy đủ các chính sách mới có hiệu lực từ năm 2026, các đơn vị có thể đối mặt với nhiều rủi ro như sai sót trong kê khai thuế, vi phạm chế độ kế toán, phát sinh xử phạt hành chính hoặc ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, việc nghiên cứu đề tài: ***“Tổng hợp các chính sách mới về thuế và kế toán có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 tại Việt Nam”*** là cần thiết cả về mặt lý luận và thực tiễn. Đề tài góp phần hệ thống hóa các quy định pháp luật mới, phân tích những điểm thay đổi quan trọng và đánh giá tác động của chính sách đến các đối tượng liên quan, từ đó hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người lao động chủ động thích ứng với môi trường pháp lý mới.

2. Mục đích của đề tài

Đề tài được thực hiện nhằm hướng đến các mục đích chủ yếu sau:

Hệ thống hóa các văn bản pháp luật mới về thuế và kế toán có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 tại Việt Nam.

Phân tích những nội dung thay đổi quan trọng trong các chính sách thuế và chế độ kế toán mới so với các quy định trước đây.

Đánh giá tác động của các chính sách mới đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người nộp thuế trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tài chính và tổ chức công tác kế toán.

Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm giúp các tổ chức, cá nhân nâng cao hiệu quả tuân thủ pháp luật thuế và kế toán trong giai đoạn mới.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các chính sách pháp luật mới về thuế và kế toán có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 tại Việt Nam, bao gồm các quy định liên quan đến quản lý thuế, kê khai thuế, hóa đơn điện tử, chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4. Phương pháp nghiên cứu

Về nội dung: Nghiên cứu tập trung vào các chính sách mới về thuế và kế toán được ban hành và áp dụng từ ngày 01/01/2026.

Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi hệ thống pháp luật Việt Nam.

Về thời gian: Các văn bản pháp luật và chính sách được nghiên cứu chủ yếu trong giai đoạn ban hành và áp dụng từ năm 2026.

Để thực hiện đề tài, tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

Phương pháp thu thập và tổng hợp tài liệu: Thu thập các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu chuyên ngành, báo cáo và thông tin liên quan đến chính sách thuế và kế toán mới.

Phương pháp phân tích và so sánh: Phân tích nội dung các quy định mới, đồng thời so sánh với các quy định trước đây để làm rõ những điểm thay đổi và tác động thực tiễn.

Phương pháp đánh giá và tổng hợp: Đánh giá tác động của chính sách mới đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng và tổng hợp các vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện.

5. Nội dung nghiên cứu

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được kết cấu thành 03 chương:

Chương 1: Tổng quan về hệ thống chính sách thuế và kế toán mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 tại Việt Nam.

Chương 2: Phân tích những thay đổi cơ bản trong các chính sách thuế và chế độ kế toán mới.

Chương 3: Đánh giá tác động của các chính sách mới và đề xuất giải pháp thực hiện hiệu quả.

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ KẾ TOÁN MỚI CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY 01/01/2026 TẠI VIỆT NAM

Bước sang năm 2026, hệ thống pháp luật về thuế và kế toán tại Việt Nam có sự thay đổi mạnh mẽ theo hướng hiện đại hóa, số hóa và đồng bộ với xu thế quản trị tài chính quốc tế. Đây được xem là giai đoạn cải cách toàn diện của ngành tài chính nhằm thực hiện chiến lược chuyển đổi số quốc gia, nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách nhà nước, đồng thời tạo môi trường kinh doanh minh bạch và thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Khung pháp lý mới được xây dựng trên cơ sở nhiều đạo luật, nghị định và thông tư quan trọng do Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành. Các văn bản này không chỉ điều chỉnh chính sách thuế mà còn thay đổi đáng kể cơ chế kế toán, hóa đơn điện tử, quản lý dữ liệu tài chính và phương thức kê khai, nộp thuế điện tử.

Hệ thống chính sách mới từ năm 2026 tập trung vào ba định hướng lớn gồm:

- Thứ nhất, hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và hộ kinh doanh cá thể.
- Thứ hai, cải cách chính sách thuế theo hướng giảm áp lực tài chính cho người nộp thuế nhưng tăng cường tính minh bạch và chống thất thu ngân sách.
- Thứ ba, chuyển đổi hoàn toàn sang mô hình quản lý thuế điện tử dựa trên dữ liệu lớn (Big Data), định danh cá nhân và hệ thống hóa đơn điện tử đồng bộ trên phạm vi toàn quốc.

Các văn bản pháp luật nền tảng cấu thành hệ thống chính sách mới bao gồm:

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/05/2025 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ về cơ chế đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành, quy định cơ chế thuế suất phân hóa theo quy mô doanh thu doanh nghiệp.

- Luật Thuế Giá trị gia tăng số 149/2025/QH15 cùng Nghị định số 174/2025/NĐ-CP về điều chỉnh ngưỡng chịu thuế và tiếp tục thực hiện lộ trình giảm thuế giá trị gia tăng nhằm kích cầu tiêu dùng.

- Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 và Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15 về cải cách giảm trừ gia cảnh và biểu thuế lũy tiến từng phần.

- Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 quy định mở rộng đối tượng chịu thuế nhằm định hướng tiêu dùng và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 cùng Nghị định số 373/2025/NĐ-CP về quản lý thuế điện tử, chuẩn hóa dữ liệu thuế và sử dụng số định danh cá nhân thay thế mã số thuế.

- Thông tư số 99/2025/TT-BTC và Thông tư số 130/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ kế toán doanh nghiệp mới và cập nhật mục lục ngân sách nhà nước.

- Chính phủ ban hành Nghị định số 141/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Có thể thấy rằng, hệ thống chính sách mới không chỉ đơn thuần sửa đổi các quy định cũ mà còn tạo ra sự chuyển đổi căn bản trong phương thức quản lý tài chính quốc gia. Từ mô hình quản lý thủ công, phân tán trước đây, cơ quan thuế chuyển sang mô hình quản trị số hóa toàn diện với cơ sở dữ liệu tập trung, giúp nâng cao hiệu quả giám sát, giảm gian lận thuế và tăng cường khả năng kết nối thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

1.2. Chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs)

Một trong những nội dung nổi bật của hệ thống chính sách thuế mới năm 2026 là việc mở rộng các cơ chế ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp

khởi nghiệp sáng tạo và các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Chính sách này thể hiện định hướng của Nhà nước trong việc thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế.

Theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp và tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp được hưởng nhiều ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể, các đơn vị này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 02 năm đầu kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Chính sách này được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025 nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tích lũy vốn và mở rộng hoạt động kinh doanh trong giai đoạn đầu phát triển.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký thành lập lần đầu, Nhà nước áp dụng chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đây là điểm mới có ý nghĩa quan trọng, góp phần giảm áp lực tài chính cho các doanh nghiệp mới thành lập và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong xã hội.

Ngoài ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, chính sách mới còn bổ sung ưu đãi thuế thu nhập cá nhân đối với đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học làm việc trong các dự án khởi nghiệp sáng tạo. Theo đó, thu nhập từ tiền lương, tiền công của các đối tượng này được miễn thuế trong 02 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Đặc biệt, Nhà nước còn miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Quy định này có ý nghĩa lớn trong việc thúc đẩy thị trường đầu tư mạo hiểm và khuyến khích dòng vốn đầu tư vào khu vực đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Tuy nhiên, để tránh tình trạng lợi dụng chính sách ưu đãi thuế, pháp luật cũng quy định rõ các trường hợp không được hưởng ưu đãi. Cụ thể, doanh nghiệp thành lập từ hoạt động chia tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình hoặc doanh nghiệp mới có người đại diện pháp luật đang quản lý doanh nghiệp khác hoặc doanh nghiệp đã giải thể chưa quá 12 tháng sẽ không thuộc diện được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế.

Bên cạnh đó, một thay đổi quan trọng từ ngày 01/01/2026 là việc chính thức bãi bỏ lệ phí môn bài theo Nghị định số 362/2025/NĐ-CP. Việc bãi bỏ khoản phí này góp phần giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh, đồng thời đơn giản hóa thủ tục hành chính trong hoạt động đăng ký kinh doanh.

1.3. Những thay đổi trong chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP đã tạo ra nhiều thay đổi quan trọng trong chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ năm 2026. Điểm đáng chú ý nhất là việc áp dụng mức thuế suất phân hóa theo quy mô doanh thu nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Biểu thuế suất theo quy mô doanh thu

Quy mô doanh thu năm	Thuế suất áp dụng
Không quá 03 tỷ đồng	15%
Trên 03 tỷ đến 50 tỷ đồng	17%
Trên 50 tỷ đồng	20%

Chính sách phân tầng thuế suất này được đánh giá là phù hợp với năng lực tài chính của từng nhóm doanh nghiệp, đặc biệt hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ có điều kiện mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh thay đổi về thuế suất, pháp luật mới cũng siết chặt quy định về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Một nội dung đáng chú ý là ngưỡng thanh toán không dùng tiền mặt được quy định bắt buộc đối với hóa đơn từ 05 triệu đồng trở lên. Đặc biệt, ngưỡng này được tính trên tổng giá trị mua hàng trong cùng một ngày của cùng một nhà cung cấp, do đó việc chia nhỏ hóa đơn nhằm hợp thức hóa thanh toán tiền mặt sẽ không còn hiệu quả như trước đây.

Ngoài ra, pháp luật cũng thu hẹp phạm vi áp dụng bảng kê thu mua hàng hóa không có hóa đơn. Theo quy định mới, chỉ còn một số trường hợp đặc thù được

phép sử dụng bảng kê như thu mua nông sản, thủy sản trực tiếp từ người sản xuất hoặc thu mua phế liệu từ cá nhân. Đối với các mặt hàng như đất, đá, cát, sỏi, doanh nghiệp bắt buộc phải có hóa đơn hợp pháp mới được tính vào chi phí được trừ.

Trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, cơ chế tạm nộp thuế 1% trên số tiền thu theo tiến độ dự án tiếp tục được duy trì. Quy định này giúp cơ quan thuế kiểm soát dòng tiền và hạn chế tình trạng chậm nộp thuế trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

1.4. Cải cách thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/07/2026 nhưng các quy định liên quan đến thu nhập từ tiền lương, tiền công và hoạt động kinh doanh được áp dụng cho toàn bộ kỳ tính thuế năm 2026.

Một trong những điểm thay đổi quan trọng nhất là việc điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh. Theo Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15, mức giảm trừ đối với người nộp thuế tăng lên 15,5 triệu đồng/tháng và mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc tăng lên 6,2 triệu đồng/tháng. Việc điều chỉnh này phù hợp với biến động chi phí sinh hoạt và mức lạm phát trong những năm gần đây.

Bên cạnh đó, pháp luật mới bổ sung nhiều khoản thu nhập được miễn thuế như tiền lương làm thêm giờ, thu nhập từ tín chỉ carbon, thu nhập từ các dự án khởi nghiệp sáng tạo và tiền lương của những ngày nghỉ không sử dụng hết.

Biểu thuế lũy tiến từng phần cũng được cải cách theo hướng rút gọn từ 07 bậc xuống còn 05 bậc thuế, giúp giảm áp lực thuế cho nhóm người có thu nhập trung bình và đơn giản hóa việc tính thuế.

1.5. Chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế tiêu thụ đặc biệt (TTDB)

Trong năm 2026, Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế giá trị gia tăng xuống mức 8% đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ nhằm kích cầu tiêu dùng và hỗ trợ phục hồi kinh tế. Chính sách này được gia hạn đến hết ngày 31/12/2026 theo lộ trình điều hành của Chính phủ.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, doanh nghiệp mua nông sản chưa qua chế biến để bán cho doanh nghiệp khác sẽ không phải kê khai tính thuế giá trị gia tăng đầu ra nhưng vẫn được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Quy định này giúp giảm áp lực dòng tiền cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nông sản.

Về thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 mở rộng đối tượng chịu thuế nhằm định hướng tiêu dùng xã hội và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Theo đó, nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100ml sẽ bắt đầu chịu thuế suất 8% từ năm 2027.

Ngoài ra, trục thăng và tàu lượn dân dụng không phục vụ mục đích cứu hộ hoặc đào tạo cũng được bổ sung vào danh mục chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Đối với mặt hàng điều hòa nhiệt độ, chỉ các loại có công suất từ trên 24.000 BTU đến 90.000 BTU mới thuộc diện chịu thuế.

1.6. Quản lý thuế điện tử và chuyển đổi số trong ngành tài chính

Một trong những trọng tâm lớn nhất của cải cách thuế năm 2026 là chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý thuế. Theo Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và Nghị định số 373/2025/NĐ-CP, số định danh cá nhân sẽ chính thức thay thế mã số thuế đối với cá nhân và hộ kinh doanh.

Việc đồng bộ dữ liệu dân cư với dữ liệu thuế giúp cơ quan quản lý dễ dàng kiểm soát thu nhập, hạn chế gian lận và giảm tình trạng trốn thuế trong nền kinh tế số.

Đối với hoạt động thương mại điện tử, các sàn giao dịch có chức năng thanh toán được giao trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho người bán hàng. Trường hợp sàn thương mại điện tử không có chức năng thanh toán thì người bán phải tự thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế theo quy định.

Ngoài ra, cơ chế hoàn thuế tự động dựa trên hệ thống phân tích dữ liệu và quản lý rủi ro cũng được triển khai nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ hoàn thuế cho các doanh nghiệp tuân thủ tốt pháp luật thuế.

Nhà nước cũng khuyến khích các đại lý thuế cung cấp dịch vụ kế toán trọn gói cho doanh nghiệp siêu nhỏ và hộ kinh doanh nhằm hỗ trợ chuyên nghiệp hóa hoạt động tài chính kế toán mà không cần duy trì bộ máy kế toán phức tạp.

1.7. Cập nhật chế độ kế toán và chính sách xử phạt vi phạm hành chính

Thông tư số 99/2025/TT-BTC được xem là văn bản thay thế toàn diện cho Thông tư 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, nhiều thuật ngữ và biểu mẫu báo cáo tài chính được điều chỉnh theo hướng tiếp cận chuẩn mực kế toán quốc tế.

Một thay đổi đáng chú ý là thuật ngữ “Bảng cân đối kế toán” được đổi thành “Báo cáo tình hình tài chính”, phù hợp với cách trình bày trong chuẩn mực IFRS quốc tế. Đồng thời, doanh nghiệp được chủ động xây dựng hệ thống tài khoản kế toán cấp 2 phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thông tư số 130/2025/TT-BTC cũng cập nhật mục lục ngân sách nhà nước, đặc biệt là hệ thống mã mục và tiểu mục nhằm tách bạch giữa nguồn vốn đầu tư công và chi thường xuyên.

Bên cạnh việc thay đổi chế độ kế toán, Chính phủ còn ban hành Nghị định số 310/2025/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và hóa đơn. Một điểm mới đáng chú ý là cho phép gộp nhiều hành vi vi phạm trên cùng một hồ sơ để xử phạt một lần nếu các hành vi đó vẫn còn trong thời hiệu xử phạt.

Ngoài ra, các trường hợp vi phạm do nguyên nhân bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn hoặc dịch bệnh được quy định rõ là không bị xử phạt hành chính. Điều này thể hiện tính linh hoạt và nhân văn trong chính sách quản lý thuế mới của Nhà nước.

CHƯƠNG 2:

PHÂN TÍCH NHỮNG THAY ĐỔI CƠ BẢN TRONG CÁC CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN MỚI

2.1. Cải cách căn bản thuế đối với hộ và cá nhân kinh doanh

Một trong những nội dung cải cách quan trọng nhất của hệ thống thuế năm 2026 là việc thay đổi toàn diện cơ chế quản lý thuế đối với hộ và cá nhân kinh doanh. Đây được xem là bước chuyển mang tính nền tảng trong quá trình hiện đại hóa quản lý thuế tại Việt Nam, hướng đến việc minh bạch hóa doanh thu, hạn chế thất thu ngân sách và thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh cá thể.

Xóa bỏ hoàn toàn cơ chế “thuế khoán”

Theo tinh thần của tiểu mục 7 Mục II Nghị quyết số 68-NQ/TW và khoản 6 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15, từ ngày 01/01/2026, cơ chế thuế khoán chính thức bị bãi bỏ hoàn toàn. Đây là thay đổi có ý nghĩa đặc biệt lớn bởi trong nhiều năm qua, phương pháp khoán thuế được áp dụng phổ biến đối với hộ kinh doanh nhỏ lẻ nhưng bộc lộ nhiều hạn chế như thiếu minh bạch doanh thu thực tế, khó kiểm soát nghĩa vụ thuế và tạo ra sự thiếu công bằng giữa các chủ thể kinh doanh.

Theo quy định mới, tất cả hộ và cá nhân kinh doanh phải chuyển sang phương thức quản lý thuế dựa trên hóa đơn điện tử, dữ liệu doanh thu thực tế và hệ thống kê khai điện tử. Điều này đồng nghĩa với việc doanh thu phát sinh sẽ được ghi nhận tự động thông qua hệ thống số hóa, giúp cơ quan thuế kiểm soát chính xác nguồn thu, đồng thời hạn chế tình trạng kê khai không trung thực.

Việc xóa bỏ thuế khoán không chỉ là biện pháp tăng cường quản lý mà còn góp phần đưa hộ kinh doanh tiến gần hơn đến mô hình quản trị tài chính chuyên nghiệp giống doanh nghiệp. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về kỹ năng kế toán, lưu trữ chứng từ và sử dụng công nghệ số đối với hộ kinh doanh cá thể.

Nâng ngưỡng doanh thu không phải chịu thuế lên 1 tỷ đồng

Cụ thể, Chính phủ ban hành Nghị định số 141/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế đối với

hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, nâng ngưỡng doanh thu không phải chịu thuế lên mức 1 tỷ đồng.

Điều 1 Nghị định số 141/2026/NĐ-CP sửa đổi cụm từ “500 triệu đồng” thành “01 tỷ đồng” tại Điều 3, Điều 4, khoản 1 Điều 8, Điều 9, Điều 10, khoản 3 Điều 11, khoản 1 và khoản 2 Điều 12, khoản 4 Điều 17, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.

Đồng thời sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP như sau:

**Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 1 tỷ đồng
buộc sử dụng hóa đơn điện tử**

“5. Sử dụng hóa đơn điện tử: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có nhiều địa điểm kinh doanh thì sử dụng mã số thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cho tất cả các cửa hàng và phải ghi rõ mã địa điểm kinh doanh trên hóa đơn.

Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống đáp ứng điều kiện và có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh tại Điều 9 Nghị định này hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trước chưa trên 01 tỷ đồng (trừ trường hợp đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo điểm b khoản này) nhưng trong năm tính thuế có doanh thu trên 01 tỷ đồng trở lên thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trong thời gian 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ tính thuế có doanh thu lũy kế trên 01 tỷ đồng”.

Cách xác định đối tượng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

Cùng với việc nâng ngưỡng doanh thu hộ kinh doanh không phải nộp thuế lên mức 01 tỷ đồng, tại Điều 2 Nghị định số 141/2026/NĐ-CP bổ sung khoản 15 Điều 4 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo đó, thu nhập của doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có tổng doanh thu năm từ 01 tỷ đồng trở xuống, cụ thể như sau: Tổng doanh thu năm làm căn cứ xác định doanh thu thuộc đối tượng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ (không bao gồm các khoản giảm trừ doanh thu), doanh thu từ hoạt động tài chính và thu nhập khác trên Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế năm trước liền kề.

Trường hợp doanh nghiệp có thời gian hoạt động của kỳ tính thuế năm trước liền kề dưới 12 tháng thì tổng doanh thu kỳ tính thuế năm trước liền kề được xác định bằng tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế đó chia cho số tháng doanh nghiệp thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế nhân với 12 tháng.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, hợp nhất, sáp nhập, chia, tách trong tháng bất kỳ của kỳ tính thuế năm trước liền kề thì thời gian hoạt động được tính đủ tháng.

Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ tính thuế và dự kiến tổng doanh thu trong kỳ tính thuế không quá 01 tỷ đồng thì doanh nghiệp không phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết thúc kỳ tính thuế, trường hợp tổng doanh thu thực tế trong kỳ tính thuế vượt mức 01 tỷ đồng thì doanh nghiệp thực hiện kê khai, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định và không phải tính tiền chậm nộp.

Quy định miễn thuế tại khoản này không áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam là công ty con hoặc công ty có

quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện miễn thuế quy định tại khoản này.

Bổ sung phương pháp tính thuế theo thu nhập thực tế

Trước đây, phần lớn hộ kinh doanh nộp thuế theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu, chưa phản ánh đúng lợi nhuận thực tế của từng ngành nghề. Từ năm 2026, pháp luật cho phép các hộ kinh doanh có doanh thu trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng/năm được lựa chọn phương pháp tính thuế dựa trên thu nhập thực tế, tức là xác định thu nhập chịu thuế theo công thức:

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí hợp lý}$$

Theo phương pháp này, hộ kinh doanh được khấu trừ các chi phí hợp lệ phát sinh trong quá trình hoạt động trước khi tính thuế, tương tự mô hình quản lý của doanh nghiệp. Mức thuế suất ưu đãi áp dụng là 15%, giúp giảm áp lực thuế cho các hộ kinh doanh có biên lợi nhuận thấp nhưng doanh thu lớn.

Chính sách này được đánh giá là bước chuyển quan trọng nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh cá thể, đồng thời tạo động lực cho hộ kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ và hạch toán chi phí.

2.2. Điều chỉnh lớn về thuế thu nhập cá nhân (TNCN) từ tiền lương, tiền công

Cùng với cải cách đối với hộ kinh doanh, chính sách thuế thu nhập cá nhân năm 2026 cũng có nhiều thay đổi lớn nhằm phù hợp với mức sống thực tế và giảm áp lực tài chính cho người lao động.

Tăng mức giảm trừ gia cảnh

Theo Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15, mức giảm trừ gia cảnh đối với người nộp thuế được điều chỉnh tăng mạnh lên 15,5 triệu đồng/tháng, tương đương 186 triệu đồng/năm. Đồng thời, mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc được nâng lên 6,2 triệu đồng/tháng.

$$GTGC_{\text{bản thân}} = 15,5 \text{ triệu/tháng};$$

$$GTGC_{\text{người phụ thuộc}} = 6,2 \text{ triệu/tháng}$$

Việc nâng mức giảm trừ gia cảnh phản ánh sự điều chỉnh phù hợp với tốc độ tăng chi phí sinh hoạt, chỉ số giá tiêu dùng và mức thu nhập bình quân của người

dân trong giai đoạn hiện nay. Điều này giúp giảm số thuế phải nộp đối với người lao động có thu nhập trung bình và thấp, từ đó góp phần nâng cao thu nhập thực tế sau thuế.

Rút gọn biểu thuế lũy tiến từng phần

Một cải cách đáng chú ý khác là việc tinh giản biểu thuế lũy tiến từng phần từ 07 bậc xuống còn 05 bậc thuế. Mục tiêu của việc rút gọn này là đơn giản hóa việc tính thuế và giảm áp lực điều tiết đối với người lao động có mức thu nhập trung bình.

Biểu thuế mới được quy định như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 120	Đến 10	5
2	Trên 120 đến 360	Trên 10 đến 30	10
3	Trên 360 đến 720	Trên 30 đến 60	20
4	Trên 720 đến 1.200	Trên 60 đến 100	30
5	Trên 1.200	Trên 100	35

(Căn cứ Điều 9 Luật Thuế TNCN 2025; áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2026).

So với biểu thuế cũ, khoảng cách giữa các bậc thuế được mở rộng hơn, giúp hạn chế tình trạng người lao động bị tăng thuế quá nhanh khi thu nhập tăng nhẹ.

Mở rộng diện thu nhập được miễn thuế

Luật mới cũng bổ sung thêm nhiều khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập cá nhân nhằm khuyến khích lao động và đổi mới sáng tạo. Các khoản miễn thuế bao gồm:

- Tiền lương làm thêm giờ;
- Tiền lương làm việc ban đêm;
- Thu nhập từ chuyển nhượng tín chỉ carbon;
- Thu nhập từ dự án khởi nghiệp sáng tạo;
- Khoản thanh toán cho ngày nghỉ phép chưa sử dụng.

Việc mở rộng diện miễn thuế giúp tăng thu nhập thực nhận cho người lao động và tạo thêm động lực phát triển các lĩnh vực kinh tế xanh, kinh tế số và đổi mới sáng tạo.

2.3. Thay đổi căn bản trong Luật Thuế GTGT và Thuế Tiêu thụ đặc biệt Những thay đổi về thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Luật Thuế GTGT năm 2025 có nhiều điều chỉnh quan trọng liên quan đến đối tượng chịu thuế, điều kiện hoàn thuế và phương pháp xác định giá tính thuế.

Một số nhóm dịch vụ như văn hóa, triển lãm, thể thao và thiết bị giảng dạy chuyên dùng được chuyển từ nhóm thuế suất ưu đãi 5% sang áp dụng mức thuế suất phổ thông 10%. Việc điều chỉnh này nhằm mở rộng cơ sở thuế và tăng tính đồng bộ trong hệ thống thuế GTGT.

Ngược lại, điều kiện hoàn thuế GTGT đầu vào đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu được nới lỏng hơn. Theo quy định mới, doanh nghiệp có số thuế GTGT chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý liên tục sẽ được xem xét hoàn thuế.

Thuế GTGT chưa khấu trừ ≥ 300 triệu đồng

Đây là chính sách có ý nghĩa lớn trong việc hỗ trợ dòng tiền và giảm áp lực vốn lưu động cho doanh nghiệp.

Ngoài ra, giá tính thuế đối với hàng hóa dùng để khuyến mại được xác định bằng 0 nếu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định pháp luật thương mại. Điều này giúp doanh nghiệp giảm chi phí thuế trong hoạt động marketing và xúc tiến thương mại.

Những thay đổi về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

Luật Thuế TTĐB năm 2025 bổ sung thêm nhiều mặt hàng mới vào diện chịu thuế nhằm định hướng hành vi tiêu dùng và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Đáng chú ý nhất là việc áp dụng thuế suất 8% đối với nước giải khát có hàm lượng đường trên 5g/100ml kể từ năm 2027.

Hàm lượng đường $> 5g/100ml \Rightarrow$ Thuế suất TTĐB=8%

Bên cạnh đó, thuốc lá, rượu và bia tiếp tục áp dụng lộ trình tăng thuế suất nhằm hạn chế tiêu dùng các sản phẩm có hại cho sức khỏe.

Các phương tiện như trục thăng và tàu lượn dân dụng không phục vụ mục đích cứu hộ, quốc phòng hoặc đào tạo cũng được đưa vào đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

2.4. Điểm mới của chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

Thông tư số 99/2025/TT-BTC đánh dấu bước cải cách lớn trong chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam theo hướng hiện đại hóa và tiệm cận chuẩn mực quốc tế IFRS.

Quyền lựa chọn linh hoạt cho SMEs

Theo quy định mới, các doanh nghiệp nhỏ và vừa được quyền lựa chọn áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC hoặc tiếp tục sử dụng Thông tư 133/2016/TT-BTC.

Điều này giúp doanh nghiệp chủ động lựa chọn mô hình kế toán phù hợp với quy mô, nhu cầu quản trị và khả năng tổ chức bộ máy kế toán của mình.

Tuy nhiên, sau khi đã lựa chọn áp dụng Thông tư 99, doanh nghiệp phải duy trì áp dụng nhất quán tối thiểu trong một kỳ kế toán năm và phải trình bày lại số liệu so sánh trên Thuyết minh báo cáo tài chính để đảm bảo tính liên tục và minh bạch của thông tin tài chính.

Đổi mới hệ thống báo cáo tài chính

Một thay đổi mang tính biểu tượng là việc thay thế thuật ngữ “Bảng cân đối kế toán” bằng thuật ngữ “Báo cáo tình hình tài chính”.

Điều này phản ánh xu hướng tiệm cận chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS, đồng thời giúp hệ thống báo cáo tài chính Việt Nam tiệm cận với thông lệ kế toán toàn cầu.

Ngoài ra, doanh nghiệp được trao quyền chủ động thiết kế hệ thống tài khoản kế toán cấp 2 nhằm phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ, thay vì bị ràng buộc cứng như trước đây.

Đơn giản hóa chứng từ và thúc đẩy số hóa kế toán

Thông tư 99/2025/TT-BTC cũng tập trung mạnh vào việc số hóa chứng từ kế toán. Hệ thống sổ sách và chứng từ được thiết kế theo hướng tương thích với quy trình xử lý dữ liệu điện tử, giảm đáng kể việc in ấn và lưu trữ giấy tờ thủ công.

Điều này góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí vận hành và tạo điều kiện kết nối dữ liệu trực tiếp với hệ thống quản lý thuế điện tử của cơ quan nhà nước.

Cụ thể:

(1) Đổi tên các tài khoản:

SỐ TK	TÊN TÀI KHOẢN CŨ	TÊN TÀI KHOẢN MỚI
155	Thành phẩm	Sản phẩm
2413	Sửa chữa lớn TSCĐ	Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ
242	Chi phí trả trước	Chi phí chờ phân bổ
244	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	Ký quỹ, ký cược
337	Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	Thanh toán theo tiến độ hợp đồng xây dựng
4112	Thặng dư vốn cổ phần	Thặng dư vốn
419	Cổ phiếu quỹ	Cổ phiếu mua lại của chính mình

(2) Bổ sung các tài khoản kế toán:

SỐ TK	TÊN TÀI KHOẢN	BẬC
215	Tài sản sinh học	1
2151	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	2
21511	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đạt đến giai đoạn trưởng thành	2
21512	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đạt đến giai đoạn trưởng thành	2

215121	Nguyên giá	2
215122	Giá trị khấu hao lũy kế	2
2152	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần	2
2153	Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần	2
2414	Nâng cấp, cải tạo TSCĐ	2
332	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	1
6275	Thuế, phí, lệ phí	2
82112	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	2

(3) Loại bỏ khỏi danh mục hệ thống tài khoản kế toán:

SỐ	TÊN TÀI KHOẢN	BẬC
1111	Tiền Việt Nam	2
1112	Ngoại tệ	2
1113	Vàng tiền tệ	2
1121	Tiền Việt Nam	2
1122	Ngoại tệ	2
1123	Vàng tiền tệ	2
1131	Tiền Việt Nam	2
1132	Ngoại tệ	2
1212	Trái phiếu	2
1218	Chứng khoán và công cụ tài chính khác	2
1385	Phải thu về cổ phần hóa	2
1531	Công cụ, dụng cụ	2
1532	Bao bì luân chuyển	2
1533	Đồ dùng cho thuê	2
1534	Thiết bị, phụ tùng thay thế	2

1557	Thành phẩm bất động sản	2
1611	Chi sự nghiệp năm trước	2
1612	Chi sự nghiệp năm nay	2
2121	TSCĐ hữu hình thuê tài chính	2
2122	TSCĐ vô hình thuê tài chính	2
2131	Quyền sử dụng đất	2
2132	Quyền phát hành	2
2133	Bản quyền, bằng sáng chế	2
2134	Nhãn hiệu hàng hóa	2
2135	Chương trình phần mềm	2
2136	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	2
2138	TSCĐ vô hình khác	2
4132	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	2
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	2
441	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1
461	Nguồn kinh phí sự nghiệp	1
4611	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước	2
4612	Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay	2
466	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	1
6111	Mua nguyên liệu, vật liệu	2
6112	Mua hàng hóa	2

(4) Bổ sung nội dung công tác quản trị và kiểm soát nội bộ trong kế toán doanh nghiệp

- Việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh của doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của pháp luật, cơ chế chính sách có liên quan.

- Doanh nghiệp có trách nhiệm tự xây dựng quy chế quản trị nội bộ (hoặc các tài liệu tương đương) và tổ chức kiểm soát nội bộ nhằm phân định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bộ phận và cá nhân có liên quan đến việc tạo lập, thực hiện, quản lý và kiểm soát các giao dịch kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

(Theo Điều 3 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#))

(5) Bổ sung nguyên tắc lập Báo cáo tài chính khi thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán

Căn cứ tại khoản 2 Điều 5 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) quy định thay đổi đơn vị kế toán trong kế toán:

- Tại kỳ kế toán đầu tiên kể từ khi thay đổi, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số dư các khoản mục trên sổ kế toán và Báo cáo tình hình tài chính sang đơn vị tiền tệ trong kế toán mới theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình (là trung bình cộng giữa tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản) của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (là ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp có tàn suất hoặc giá trị giao dịch nhiều hơn so với bên khác) tại ngày thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán.

- Đối với thông tin so sánh (cột kỳ trước) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, doanh nghiệp áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch của kỳ trước liền kề với kỳ thay đổi.

- Doanh nghiệp phải trình bày trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính lý do thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán và khi có những ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính do việc thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán.

(6) Công tác kế toán khi doanh nghiệp lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán không phải là Đồng Việt Nam

Theo Điều 6 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) Báo cáo tài chính mang tính pháp lý để doanh nghiệp công bố ra công chúng và nộp cho các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam là Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Do đó, doanh nghiệp phải chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đơn vị tiền tệ trong kế toán sang Đồng

Việt Nam theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 6 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#), trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp pháp luật quy định Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thì Báo cáo tài chính được kiểm toán là Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam.

(7) Bỏ cơ chế “xin phép Bộ Tài chính”, chuyển sang trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong việc mở, sửa, bổ sung hệ thống tài khoản kế toán.

Theo Điều 11 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) quy định về hệ thống tài khoản kế toán. Theo đó, doanh nghiệp áp dụng hệ thống tài khoản kế toán tại Phụ lục II ban hành kèm theo [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) để phục vụ việc ghi sổ kế toán các giao dịch kinh tế phát sinh tại doanh nghiệp.

- Trường hợp để phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị, doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản kế toán hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#).

Việc sửa đổi, bổ sung phải đảm bảo phản loại và hệ thống được các nghiệp vụ phát sinh theo nội dung kinh tế, không trùng lặp đối tượng, tuân thủ các nguyên tắc kế toán theo quy định và không được làm thay đổi hoặc ảnh hưởng đến các chỉ tiêu, thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính.

Khi sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản kế toán, doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế mở tài khoản (hoặc các tài liệu tương đương) về các nội dung sửa đổi, bổ sung để làm cơ sở thực hiện. Quy chế phải nêu rõ sự cần thiết của việc sửa đổi, bổ sung và có trách nhiệm của doanh nghiệp trước pháp luật về các nội dung đã sửa đổi, bổ sung.

Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản kế toán thì áp dụng hệ thống tài khoản kế toán hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#).

Trường hợp doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chưa được hướng dẫn kế toán tại [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#), doanh nghiệp căn cứ vào nội dung, bản chất của giao dịch kinh tế phát sinh, quy định của [Luật Kế toán 2015](#), văn bản

hướng dẫn [Luật Kế toán 2015](#), Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các nguyên tắc hướng dẫn tại [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#) về để thực hiện.

Như vậy so với khoản 1 Điều 9 [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#) về Hệ thống tài khoản kế toán, quy định mới đã thay đổi như sau:

- Bỏ cơ chế “xin phép Bộ Tài chính”, chuyển sang trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong việc mở, sửa, bổ sung hệ thống tài khoản kế toán.

Bên cạnh đó, yêu cầu doanh nghiệp ban hành Quy chế mở tài khoản và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đồng thời, giữ nguyên tính thống nhất của báo cáo tài chính, không cho phép thay đổi ảnh hưởng đến chỉ tiêu báo cáo.

(8) Không còn Bảng cân đối kế toán mà thay vào đó là Báo cáo tình hình tài chính

Theo khoản 1 Điều 17 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) quy định về hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp như sau:

Hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp

1. Hệ thống Báo cáo tài chính gồm:

- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính;

...

Hiện hành, quy định về hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp gồm Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính giữa niên độ. Biểu mẫu Báo cáo tài chính kèm theo tại Phụ lục 2 [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#). Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày trên Báo cáo tài chính, doanh nghiệp chủ động đánh lại số thứ tự các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo nguyên tắc liên tục trong mỗi phần.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán là một trong những mẫu báo cáo tài chính, gồm: báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại khoản 1 Điều 100 [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#) quy định hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp:

(1) Báo cáo tài chính năm gồm:

- *Bảng cân đối kế toán*

...

(2) Báo cáo tài chính giữa niên độ:

a) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, gồm:

- *Bảng cân đối kế toán giữa niên độ*

...

b) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược

- *Bảng cân đối kế toán giữa niên độ*

...

Như vậy, so với quy định tại [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#) thì hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp sẽ không còn Bảng cân đối kế toán mà thay vào đó là Báo cáo tình hình tài chính.

(9) Quy định mới về sử dụng phần mềm kế toán từ ngày 01/01/2026

Theo Điều 28 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) quy định về sử dụng phần mềm kế toán của doanh nghiệp từ 01/01/2026 như sau:

- Yêu cầu đối với phần mềm kế toán:

Doanh nghiệp được phép sử dụng các phần mềm kế toán để thực hiện công tác kế toán theo quy định tại [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#). Tuy nhiên, phần mềm kế toán lựa chọn phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ sau:

+ Tuân thủ quy định pháp luật: Các quy trình, nghiệp vụ kế toán trên phần mềm phải phù hợp với pháp luật về kế toán, thuế và các quy định liên quan; không được làm thay đổi bản chất, nguyên tắc, phương pháp kế toán cũng như số liệu trên sổ sách và báo cáo tài chính.

+ Đảm bảo tính chính xác và minh bạch: Các thông tin, số liệu xử lý trên phần mềm phải chính xác, không trùng lặp; khi có sửa đổi phải lưu vết thay đổi theo trình tự thời gian.

+ Bảo mật và an toàn thông tin: Phần mềm phải đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu; có cơ chế cảnh báo hoặc ngăn chặn hành vi can thiệp, thay đổi trái phép số liệu kế toán.

+ Cung cấp dữ liệu kịp thời: Đảm bảo khả năng cung cấp thông tin, dữ liệu đầu ra đầy đủ, chính xác khi cơ quan có thẩm quyền hoặc các bên liên quan yêu cầu.

+ Khả năng kết nối và tích hợp: Có thể hoặc sẵn sàng kết nối với các phần mềm khác phục vụ công tác kế toán như phần mềm hóa đơn điện tử, chữ ký số...

+ Khả năng cập nhật, nâng cấp: Có thể điều chỉnh, nâng cấp phù hợp với sự thay đổi của pháp luật về kế toán, thuế và các quy định liên quan.

- Trách nhiệm của doanh nghiệp

Người quản lý, điều hành doanh nghiệp, kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán, cùng các cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin và số liệu kế toán được cung cấp từ phần mềm kế toán.

(10) Thống nhất và thay thế toàn bộ các Thông tư cũ

Căn cứ Điều 31 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) quy định về điều khoản thi hành. Theo đó, [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Đồng thời, [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) thay thế những Thông tư sau đây:

- [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#) ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#)),

- [Thông tư 75/2015/TT-BTC](#) ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#) ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính,

- [Thông tư 53/2016/TT-BTC](#) ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#) ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- [Thông tư 195/2012/TT-BTC](#) ngày 15/11/2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Như vậy, hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam chính thức vận hành theo một khung pháp lý duy nhất, giảm thiểu chồng chéo và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình tra cứu, áp dụng.

(11) Quy định mới về doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế hạch toán kế toán

Căn cứ theo [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#) (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) quy định doanh nghiệp có trách nhiệm ban hành Quy chế hạch toán kế toán (hoặc các tài liệu tương đương) trong các trường hợp cụ thể như sau:

- Khi thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung về biểu mẫu chứng từ kế toán theo khoản 2 Điều 9 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#).
- Khi sửa đổi, bổ sung về tên, số hiệu, kết cấu và nội dung phản ánh của các tài khoản kế toán theo khoản 2 Điều 11 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#).
- Khi thiết kế thêm hoặc sửa đổi, bổ sung về biểu mẫu sổ kế toán theo khoản 2 Điều 12 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#).
- Khi bổ sung thêm các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo khoản 1 Điều 18 [Thông tư 99/2025/TT-BTC](#)

So với quy định trước, tại Điều 9 [Thông tư 200/2014/TT-BTC](#) về sửa đổi chế độ kế toán không yêu cầu ban hành Quy chế hạch toán kế toán. Nếu muốn sửa đổi, bổ sung các nội dung về biểu mẫu, số hiệu, kết cấu của tài khoản kế toán, chỉ tiêu của Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

CHƯƠNG 3

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU THUẾ VÀ GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG HIỆU QUẢ

3.1. Đánh giá tác động đa chiều của hệ thống chính sách mới

Hệ thống chính sách thuế và kế toán có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 không chỉ đơn thuần là sự điều chỉnh kỹ thuật về thuế suất hay phương pháp kê khai, mà còn tạo ra sự thay đổi toàn diện trong cơ chế quản lý tài chính, mô hình vận hành kế toán và phương thức tuân thủ pháp luật của các chủ thể kinh doanh. Các chính sách mới đồng thời mang lại cơ hội hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp, người lao động và hộ kinh doanh, nhưng cũng đặt ra áp lực rất lớn về tính minh bạch, số hóa dữ liệu và chuẩn hóa hoạt động kế toán – thuế.

Đối với người lao động và cá nhân nộp thuế

Một trong những tác động tích cực rõ rệt nhất của chính sách thuế năm 2026 là việc giảm áp lực thuế thu nhập cá nhân đối với người lao động. Theo Nghị quyết số 110/2025/UBTVQH15, mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân người nộp thuế được nâng lên 15,5 triệu đồng/tháng, trong khi mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc tăng lên 6,2 triệu đồng/tháng. Đồng thời, biểu thuế lũy tiến từng phần được rút gọn từ 07 bậc xuống còn 05 bậc.

Việc điều chỉnh này giúp giảm đáng kể số thuế thu nhập cá nhân phải nộp hàng tháng, đặc biệt đối với nhóm lao động có thu nhập trung bình và người lao động nuôi nhiều người phụ thuộc. Thu nhập khả dụng sau thuế của người dân được cải thiện sẽ góp phần kích thích tiêu dùng nội địa, thúc đẩy lưu thông hàng hóa và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh chi phí sinh hoạt ngày càng gia tăng.

Bên cạnh đó, việc mở rộng các khoản thu nhập được miễn thuế như tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc ban đêm, thu nhập từ tín chỉ carbon hoặc từ dự án khởi nghiệp sáng tạo cũng tạo thêm động lực lao động và khuyến khích đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế số.

Đối với hộ kinh doanh cá thể

Nhóm hộ kinh doanh là đối tượng chịu tác động mạnh mẽ nhất từ cuộc cải cách thuế năm 2026. Chính sách mới vừa mang tính hỗ trợ, vừa mang tính sàng lọc và chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh cá thể.

Trước hết, việc nâng ngưỡng doanh thu miễn thuế lên 1 tỷ đồng/năm giúp phần lớn các hộ kinh doanh nhỏ lẻ được miễn hoàn toàn thuế GTGT và thuế TNCN. Điều này góp phần giảm áp lực tài chính, tạo điều kiện duy trì hoạt động kinh doanh ổn định trong bối cảnh thị trường cạnh tranh và chi phí đầu vào tăng cao.

Tuy nhiên, đối với các hộ kinh doanh quy mô lớn, đặc biệt là nhóm có doanh thu trên 03 tỷ đồng/năm, yêu cầu quản lý thuế trở nên chặt chẽ hơn rất nhiều. Việc xóa bỏ hoàn toàn cơ chế “thuế khoán” buộc các hộ kinh doanh phải chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử, thực hiện ghi chép doanh thu – chi phí thực tế và kê khai thuế theo dữ liệu số hóa.

Các hộ kinh doanh lớn phải áp dụng phương pháp tính thuế dựa trên thu nhập thực tế với mức thuế suất từ 17% đến 20%, tương tự mô hình doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi chủ hộ phải thay đổi tư duy quản trị tài chính, đầu tư vào phần mềm kế toán, hệ thống hóa đơn điện tử và nâng cao năng lực quản lý sổ sách kế toán.

Mặc dù áp lực tuân thủ tăng cao, chính sách mới cũng góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh doanh nhỏ lẻ sang mô hình kinh doanh chuyên nghiệp, minh bạch và có khả năng phát triển bền vững hơn trong dài hạn.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs)

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa được xem là nhóm hưởng lợi lớn từ hệ thống ưu đãi thuế mới. Theo các quy định mới, SMEs thành lập lần đầu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm liên tục; các dự án khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Những ưu đãi này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giai đoạn đầu hoạt động của doanh nghiệp, khi áp lực dòng tiền, chi phí đầu tư và chi phí vận hành còn rất lớn. Việc giảm nghĩa vụ thuế giúp doanh nghiệp có thêm nguồn lực tái đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Ngoài ra, hệ thống hoàn thuế tự động ứng dụng Big Data và quản lý rủi ro cũng mang lại lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp tuân thủ

tốt pháp luật thuế. Thời gian xử lý hoàn thuế được rút ngắn giúp cải thiện khả năng luân chuyển vốn và giảm áp lực tài chính ngắn hạn.

Tuy nhiên, đi kèm với ưu đãi là yêu cầu kiểm soát kế toán – thuế chặt chẽ hơn. Việc hạ ngưỡng thanh toán không dùng tiền mặt xuống còn 05 triệu đồng tạo ra áp lực lớn đối với công tác kế toán doanh nghiệp.

Cơ quan thuế hiện áp dụng cơ chế kiểm tra tổng hợp theo ngày đối với cùng một nhà cung cấp, do đó doanh nghiệp không thể “xé nhỏ” hóa đơn để hợp thức hóa chi phí như trước đây. Điều này đòi hỏi bộ phận kế toán phải kiểm soát chặt chẽ chứng từ thanh toán, hợp đồng và dữ liệu hóa đơn điện tử.

Đối với công tác quản lý nhà nước

Hệ thống chính sách mới năm 2026 cũng tạo ra tác động lớn đối với cơ quan quản lý thuế và quản lý tài chính công. Việc chuyển đổi hoàn toàn sang mô hình quản lý dựa trên dữ liệu số giúp nâng cao tính minh bạch và hiệu quả kiểm soát thu ngân sách.

Thông qua hóa đơn điện tử, dữ liệu định danh cá nhân và hệ thống quản lý Big Data, cơ quan thuế có khả năng theo dõi doanh thu theo thời gian thực, tự động phát hiện rủi ro và giảm đáng kể tình trạng trốn thuế, gian lận thuế.

Đồng thời, việc chuẩn hóa hệ thống báo cáo tài chính theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC giúp tăng khả năng đồng bộ dữ liệu giữa doanh nghiệp với cơ quan quản lý nhà nước, từng bước tiệm cận chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS).

3.2. Giải pháp và khuyến nghị ứng phó cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh

Để thích ứng hiệu quả với hệ thống chính sách thuế và kế toán mới từ ngày 01/01/2026, doanh nghiệp và hộ kinh doanh cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp về công nghệ, quản trị tài chính, kiểm soát nội bộ và đào tạo nhân sự.

1. Nâng cấp hạ tầng công nghệ và hệ thống hóa đơn điện tử

Đây là giải pháp mang tính cấp thiết và bắt buộc trong bối cảnh toàn bộ hoạt động quản lý thuế được số hóa.

Doanh nghiệp và hộ kinh doanh cần nhanh chóng nâng cấp phần mềm kế toán, hệ thống quản lý bán hàng và hóa đơn điện tử nhằm đảm bảo khả năng kết nối trực tiếp với cơ quan thuế thông qua nền tảng dữ liệu điện tử. Các hệ thống cần đáp ứng khả năng tích hợp mã số định danh cá nhân thay thế mã số thuế truyền thống.

Việc đầu tư hạ tầng công nghệ không chỉ giúp đáp ứng yêu cầu pháp lý mà còn góp phần giảm sai sót kế toán, nâng cao hiệu quả quản trị dữ liệu tài chính và hỗ trợ kiểm soát doanh thu theo thời gian thực.

2. Rà soát ngưỡng thanh toán và siết chặt quy trình thu mua

Do quy định mới hạ ngưỡng thanh toán không dùng tiền mặt xuống còn 05 triệu đồng, doanh nghiệp cần xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ chặt chẽ đối với các giao dịch mua hàng.

Các khoản chi từ 05 triệu đồng trở lên hoặc tổng giá trị giao dịch trong ngày với cùng một nhà cung cấp bắt buộc phải thực hiện thông qua chuyển khoản ngân hàng nếu muốn được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế TNDN.

Doanh nghiệp đồng thời phải loại bỏ hoàn toàn việc lập bảng kê đối với các mặt hàng như đất, đá, cát, sỏi; thay vào đó bắt buộc phải yêu cầu nhà cung cấp xuất hóa đơn hợp pháp theo quy định mới.

3. Chuẩn hóa hệ thống kế toán theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

Các doanh nghiệp cần rà soát lại toàn bộ hệ thống tài khoản kế toán, mẫu biểu báo cáo tài chính và quy trình lập chứng từ để phù hợp với chế độ kế toán mới.

Bộ phận kế toán cần chủ động chuyển đổi thuật ngữ, biểu mẫu và cơ cấu báo cáo tài chính theo chuẩn mới, đặc biệt là việc thay thế “Bảng cân đối kế toán” bằng “Báo cáo tình hình tài chính”.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên xây dựng chi tiết hệ thống tài khoản cấp 2 và cấp 3 phục vụ công tác quản trị nội bộ, phân tích chi phí và kiểm soát dòng tiền hiệu quả hơn.

4. Chủ động rà soát sai sót và tận dụng cơ chế gộp hành vi xử phạt

Nghị định số 310/2025/NĐ-CP cho phép cơ quan thuế gộp nhiều lỗi vi phạm cùng tính chất để xử phạt một hành vi, tạo điều kiện giảm áp lực tài chính cho doanh nghiệp.

Do đó, doanh nghiệp cần chủ động rà soát các sai sót lịch sử liên quan đến hóa đơn, kê khai thuế hoặc chứng từ kế toán để kịp thời giải trình và khai bổ sung trước khi bị thanh tra, kiểm tra thuế.

Ngoài ra, doanh nghiệp cần thường xuyên đào tạo nhân sự kế toán, nhân sự tiền lương và bộ phận quản trị tài chính nhằm cập nhật kịp thời các thay đổi về biểu thuế TNCN mới, phương pháp kê khai điện tử và quy định quản lý hóa đơn điện tử.

Việc nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ kế toán sẽ là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro pháp lý và tận dụng tối đa các ưu đãi từ hệ thống chính sách mới năm 2026.

KẾT LUẬN

Hệ thống chính sách thuế và kế toán có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đánh dấu một bước chuyển đổi quan trọng trong tiến trình cải cách tài chính công và hiện đại hóa nền quản trị kinh tế tại Việt Nam. Những thay đổi được ban hành không chỉ dừng lại ở việc điều chỉnh thuế suất hay sửa đổi kỹ thuật kế toán, mà còn thể hiện định hướng chiến lược của Nhà nước trong việc xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch, số hóa và tiệm cận các chuẩn mực quản trị tài chính quốc tế.

Qua quá trình nghiên cứu có thể thấy rằng, các chính sách mới tập trung vào ba mục tiêu lớn: hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo; nâng cao hiệu quả quản lý thuế dựa trên dữ liệu số; đồng thời tăng cường tính minh bạch, công bằng và chống thất thu ngân sách nhà nước. Việc bãi bỏ hoàn toàn cơ chế thuế khoán, áp dụng hóa đơn điện tử toàn diện, sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế, cũng như triển khai cơ chế hoàn thuế tự động bằng Big Data cho thấy ngành thuế Việt Nam đang chuyển mạnh sang mô hình quản lý hiện đại dựa trên công nghệ số.

Đối với người lao động và cá nhân nộp thuế, việc nâng mức giảm trừ gia cảnh và tinh giản biểu thuế lũy tiến đã góp phần giảm gánh nặng tài chính, tăng thu nhập thực tế và hỗ trợ tiêu dùng nội địa. Đối với hộ kinh doanh và doanh nghiệp nhỏ, hệ thống ưu đãi miễn giảm thuế mở ra cơ hội thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong giai đoạn khởi nghiệp và phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, đi cùng với các ưu đãi là yêu cầu tuân thủ cao hơn về hóa đơn, chứng từ, thanh toán không dùng tiền mặt và quản trị dữ liệu kế toán.

Bên cạnh những tác động tích cực, hệ thống chính sách mới cũng đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh, đặc biệt là áp lực chuyển đổi số, nâng cấp hệ thống kế toán và thay đổi phương thức quản lý tài chính truyền thống. Những đơn vị chậm thích ứng có thể đối mặt với rủi ro lớn về sai sót kê khai, vi phạm hành chính và chi phí tuân thủ tăng cao.

Do đó, để thích ứng hiệu quả với hành lang pháp lý mới, các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cần chủ động nâng cấp hạ tầng công nghệ, chuẩn hóa hệ thống kế toán, đào tạo nhân sự chuyên môn và tăng cường kiểm soát nội bộ đối với hoạt động

tài chính – thuế. Việc cập nhật kịp thời các quy định mới không chỉ giúp giảm thiểu rủi ro pháp lý mà còn tạo điều kiện để tận dụng tối đa các chính sách ưu đãi của Nhà nước trong giai đoạn chuyển đổi số nền kinh tế.

Tóm lại, năm 2026 được xem là cột mốc quan trọng trong tiến trình cải cách thuế và kế toán tại Việt Nam. Hệ thống chính sách mới sẽ góp phần thúc đẩy tính minh bạch, hiện đại hóa công tác quản lý tài chính và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của cộng đồng doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.